

Điểm giữa kỳ (30%) học phần Số học, lớp GDTH Quận 12 khoá 4.

STT	Mã số SV	Họ	tên	Điểm	Ghi chú
1	1129	Cao Minh Hồng	Anh	7	Bảy
2	1130	Nguyễn Thị Kim	Anh	6	Sáu
3	1131	Phạm Thị Lan	Anh	7	Bảy
4	1132	Trần Kim Vân	Anh	7	Bảy
5	1133	Hà Lan	Anh	Cấm thi	Vắng 5 buổi
6	1136	Huỳnh Thị Bảo	Châu	6	Sáu
7	1137	Ngô Hoàng	Chiến	6	Sáu
8	1138	Nguyễn Minh	Chiến	6	Sáu
9	1139	Trịnh Giang Thùy	Dương	5	Năm
10	1141	Nguyễn Thị Kiều	Dung	7	Bảy
11	1142	Nguyễn Minh	Dũng	Cấm thi	Vắng 8 buổi
12	1144	Nguyễn Thị	Đào	5	Năm
13	1146	Huỳnh Thị Châu	Giang	Cấm thi	Vắng 6 buổi
14	1147	Phạm Thị	Giàu	8	Tám
15	1148	Huỳnh Lương	Hân	7	Bảy
		Ngọc			
16	1149	Nguyễn Thị	Hằng	8	Tám
17	1150	Nguyễn Thu	Hằng	5	Năm
18	1151	Lê Thị Thu	Hằng	8	Tám
19	1152	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	7	Bảy
20	1153	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	7	Bảy
21	1154	Phạm Lại Ngọc	Hà	7	Bảy
22	1155	Trương Thị	Hà	6	Sáu
23	1156	Nguyễn Minh	Hải	7	Bảy
24	1157	Đặng Thị Thu	Hiền	6	Sáu
25	1158	Lê Thị	Hiền	6	Sáu
26	1159	Trương Kim	Hiền	7	Bảy
27	1160	Nguyễn Thị	Hiên	5	Năm
28	1161	Mai Trung	Hiếu	7	Bảy
29	1162	Nguyễn Vũ Trung	Hiếu	Cấm thi	Vắng 6 buổi
30	1163	Đỗ Thị Bích	Hồng	6	Sáu
31	1164	Lê Thị	Hồng	6	Sáu
32	1165	Đỗ Trọng	Hoài	7	Bảy
33	1166	Đặng Thị	Hoàn	7	Bảy
34	1168	Phạm Thị	Hương	7	Bảy
35	1169	Nguyễn Thị	Hường	Cấm thi	Vắng 5 buổi
36	1170	Lê Thị	Huê	6	Sáu
37	1171	Phạm Quốc	Hùng	7	Bảy
38	1172	Đặng Thị Thanh	Huyền	7	Bảy
39	1174	Trần Mộng	Kha	7	Bảy
40	1175	Nguyễn Thị Kim	Khanh	6	Sáu
41	1177	Nguyễn Thị Xuân	Lan	5	Năm

Điểm giữa kỳ (30%) Số học - lớp Quận 12 K4Thứ hai, 30 Tháng 4 2012 13:16

42	1178	Trịnh Mai	Lan	6	Sáu
43	1179	Nguyễn Huy	Liêm	Cấm thi	Vắng 9 buổi
44	1184	Đỗ Trần Yên	Ly	8	Tám
45	1186	Trần Thị Sương	Mai	7	Bảy
46	1188	Trần Quang	Minh	8	Tám
47	1189	Lê Thị	My	Cấm thi	Vắng 5 buổi
48	1190	Võ Thị	Mỹ	Cấm thi	Vắng 9 buổi
49	1192	Lê Thị Ánh	Nga	8	Tám
50	1193	Nguyễn Thị Bích	Nga	5	Năm
51	1195	Dương Thị Thanh	Ngân	6	Sáu
52	1197	Nguyễn Trần Kim	Ngân	5	Năm
53	1198	Võ Thị Thu	Ngân	7	Bảy
54	1199	Lê Ánh	Ngọc	8	Tám
55	1201	Dương Kim	Ngọc	6	Sáu
56	1206	Trần Thị	Pha	6	Sáu
57	1207	Trần Ngọc	Phượng	7	Bảy
58	1208	Đỗ Huỳnh Kim	Phượng	5	Năm
59	1209	Nguyễn Thúy	Phương	7	Bảy
60	1210	Trần Hoài Trúc	Phương	8	Tám
61	1211	Nguyễn Thoại	Quỳnh	6	Sáu
		Ngọc			
62	1212	Đỗ Thị	Sâm	6	Sáu
63	1213	Phan Thị Thúy	Sương	7	Bảy
64	1214	Chu Thanh	Tâm	5	Năm
65	1215	Nguyễn Thị	Tâm	6	Sáu
		Thanh			
66	1216	Trương Phương	Tâm	7	Bảy
67	1217	Nguyễn Quốc	Tĩnh	6	Sáu
68	1218	Lê Thành	Tạo	7	Bảy
69	1219	Trần Kim	Thạnh	7	Bảy
70	1220	Đào Phương	Thanh	4	Bốn
71	1221	Vũ Thị Minh	Thanh	7	Bảy
72	1222	Hoàng Mai	Thảo	3	Ba
73	1223	Nguyễn Thị Bích	Thảo	10	Mười
74	1224	Nguyễn Thị	Thảo	7	Bảy
		Phương			
75	1226	Nguyễn Thị	Thảo	Cấm thi	Vắng 6 buổi
		Thanh			
76	1227	Châu Huỳnh	Thư	4	Bốn
77	1228	Trần Võ Anh	Thư	4	Bốn
78	1229	Lê Thị Minh	Thư	7	Bảy
79	1231	Nguyễn Thị Minh	Thùy	9	Chín
80	1232	Chu Thanh	Thủy	4	Bốn
81	1234	Trần Thị Thu	Thủy	5	Năm
82	1235	Trần Tây	Thủy	8	Tám
83	1236	Nguyễn Ngọc	Tiên	9	Chín

		Thủy			
84	1237	Trần Thị Thủy	Tiên	Cấm thi	Vắng 9 buổi
85	1238	Hà Thị Thùy	Trâm	7	Bảy
86	1239	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	6	Sáu
87	1240	Trần Châu Bích	Trâm	6	Sáu
88	1242	Đặng Thị Huyền	Trang	Cấm thi	Vắng 9 buổi
89	1243	Lê Thị Diễm	Trang	7	Bảy
90	1244	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	5	Năm
91	1246	Nguyễn Thùy Minh	Trang	7	Bảy
92	1247	Nguyễn Thị Xuân	Trang	4	Bốn
93	1248	Lại Minh	Trí	7	Bảy
94	1249	Dương Thị Thùy	Trinh	7	Bảy
95	1250	Huỳnh Ngọc	Trinh	10	Mười
96	1251	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	6	Sáu
97	1254	Phạm Thị Thu	Trúc	6	Sáu
98	1255	Hoàng Trần Kim	Tú	Cấm thi	Vắng 6 buổi
99	1257	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	5	Năm
100	1258	Hà Cẩm	Tú	6	Sáu
101	1259	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	5	Năm
102	1260	Trần Thị	Tuyết	6	Sáu
103	1261	Nguyễn Thị Phương	Uyên	5	Năm
104	1262	Nguyễn Huỳnh Tú Vân		6	Sáu
105	1264	Lã Thị	Vang	6	Sáu
106	1265	Lê Thị Tường	Vi	6	Sáu
107	1266	Phạm Thị	Vui	5	Năm
108	1267	Phan Thị	Vũ	6	Sáu
109	1268	Ngô Thị Tường	Vy	6	Sáu
110	1269	Lai Tường	Vy	7	Bảy
111	1270	Nguyễn Thị	Xã	7	Bảy
112	1271	Trịnh Thị Thanh	Xuân	6	Sáu
113	1272	Nguyễn Thị Thảo	Yến	6	Sáu
114	1274	Nguyễn Hoài Như	Ý	7	Bảy
115	1599	Lê Thảo	Nhi	6	Sáu
116	1603	Huỳnh Kim	Oanh	5	Năm
117	Q3K4	Nguyễn Thúy	Hường	6	Sáu